

## PHIẾU THU BÀI

Học kỳ ... , năm học : 20 ... – 20 ...

Môn học: .....

Số TC:.....

Lớp: Nghệ thuật Hóa trang K45

Hình thức thi:.....

Ngày thi (kiểm tra): .....

| STT | Họ và tên               | Số đề | Số tờ | Chữ ký SV | Ghi chú |
|-----|-------------------------|-------|-------|-----------|---------|
| 1   | Nguyễn Lê Nguyệt An     |       |       |           |         |
| 2   | Nguyễn Lê Ngân Anh      |       |       |           |         |
| 3   | Phạm Trang Anh          |       |       |           |         |
| 4   | Nguyễn Ngọc Ánh         |       |       |           |         |
| 5   | Phạm Hoàng Minh Ánh     |       |       |           |         |
| 6   | Ngô Vân Chi             |       |       |           |         |
| 7   | Nguyễn Xuân Chinh Chinh |       |       |           |         |
| 8   | Nguyễn Minh Diệp        |       |       |           |         |
| 9   | Nguyễn Thái Linh Đan    |       |       |           |         |
| 10  | Ngô Ngọc Điệp           |       |       |           |         |
| 11  | Phạm Thị Thanh Huyền    |       |       |           |         |
| 12  | Phạm Hải Linh           |       |       |           |         |
| 13  | Phạm Khánh Linh         |       |       |           |         |
| 14  | Lưu Hoàng Mai           |       |       |           |         |
| 15  | Phan Huyền My           |       |       |           |         |
| 16  | Vương Thị Trà My        |       |       |           |         |
| 17  | Nguyễn Thị Bích Ngọc    |       |       |           |         |
| 18  | Ngô Diễm Quỳnh          |       |       |           |         |
| 19  | Đỗ Xuân Sơn             |       |       |           |         |
| 20  | Vũ Thanh Thảo           |       |       |           |         |
| 21  | Bạc Cẩm Huyền Thương    |       |       |           |         |
| 22  | Lê Ngân Thương          |       |       |           |         |
| 23  | Nguyễn Ngọc Huyền Trang |       |       |           |         |
| 24  | Nguyễn Ngọc Ban Mai     |       |       |           |         |

**Giảng viên coi thi 1**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Giảng viên coi thi 2**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

PHIẾU CHẤM ĐIỂM THI VIẾT

Học kỳ ... , năm học : 20 ... – 20 ...

Môn học: .....

Số TC:.....

Lớp: Nghệ thuật Hóa trang K45

| STT | Họ và tên               | Số phách | Điểm      |            | Ghi chú |
|-----|-------------------------|----------|-----------|------------|---------|
|     |                         |          | (Bằng số) | (Bằng chữ) |         |
| 1   | Nguyễn Lê Nguyệt An     |          |           |            |         |
| 2   | Nguyễn Lê Ngân Anh      |          |           |            |         |
| 3   | Phạm Trang Anh          |          |           |            |         |
| 4   | Nguyễn Ngọc Ánh         |          |           |            |         |
| 5   | Phạm Hoàng Minh Ánh     |          |           |            |         |
| 6   | Ngô Vân Chi             |          |           |            |         |
| 7   | Nguyễn Xuân Chinh Chinh |          |           |            |         |
| 8   | Nguyễn Minh Diệp        |          |           |            |         |
| 9   | Nguyễn Thái Linh Đan    |          |           |            |         |
| 10  | Ngô Ngọc Điệp           |          |           |            |         |
| 11  | Phạm Thị Thanh Huyền    |          |           |            |         |
| 12  | Phạm Hải Linh           |          |           |            |         |
| 13  | Phạm Khánh Linh         |          |           |            |         |
| 14  | Lưu Hoàng Mai           |          |           |            |         |
| 15  | Phan Huyền My           |          |           |            |         |
| 16  | Vương Thị Trà My        |          |           |            |         |
| 17  | Nguyễn Thị Bích Ngọc    |          |           |            |         |
| 18  | Ngô Diễm Quỳnh          |          |           |            |         |
| 19  | Đỗ Xuân Sơn             |          |           |            |         |
| 20  | Vũ Thanh Thảo           |          |           |            |         |
| 21  | Bạc Cẩm Huyền Thương    |          |           |            |         |
| 22  | Lê Ngân Thương          |          |           |            |         |
| 23  | Nguyễn Ngọc Huyền Trang |          |           |            |         |
| 24  | Nguyễn Ngọc Ban Mai     |          |           |            |         |

Tổng số bài thi:.....

Ngày khớp điểm:...../...../20.....

Cán bộ khớp điểm

(Ký, ghi rõ họ tên)

Khoa/Trung tâm

(Ký, ghi rõ họ tên)

PHIẾU CHẤM ĐIỂM THI VĂN ĐÁP, THỰC HÀNH

Học kỳ ... , năm học: 20 ... – 20 ...

Môn học: ..... Số TC:.....

Lớp: Nghệ thuật Hóa trang K45 Ngày thi (kiểm tra):.....

| STT | Họ và tên         |        | Số<br>phiế<br>u thi | Điểm thống nhất của 2 GV |            | Chữ ký<br>SV | G<br>hi chú |
|-----|-------------------|--------|---------------------|--------------------------|------------|--------------|-------------|
|     |                   |        |                     | (Bằng số)                | (Bằng chữ) |              |             |
| 1   | Nguyễn Lê Nguyệt  | An     |                     |                          |            |              |             |
| 2   | Nguyễn Lê Ngân    | Anh    |                     |                          |            |              |             |
| 3   | Phạm Trang        | Anh    |                     |                          |            |              |             |
| 4   | Nguyễn Ngọc       | Ánh    |                     |                          |            |              |             |
| 5   | Phạm Hoàng Minh   | Ánh    |                     |                          |            |              |             |
| 6   | Ngô Vân           | Chi    |                     |                          |            |              |             |
| 7   | Nguyễn Xuân Chinh | Chinh  |                     |                          |            |              |             |
| 8   | Nguyễn Minh       | Diệp   |                     |                          |            |              |             |
| 9   | Nguyễn Thái Linh  | Đan    |                     |                          |            |              |             |
| 10  | Ngô Ngọc          | Điệp   |                     |                          |            |              |             |
| 11  | Phạm Thị Thanh    | Huyền  |                     |                          |            |              |             |
| 12  | Phạm Hải          | Linh   |                     |                          |            |              |             |
| 13  | Phạm Khánh        | Linh   |                     |                          |            |              |             |
| 14  | Lưu Hoàng         | Mai    |                     |                          |            |              |             |
| 15  | Phan Huyền        | My     |                     |                          |            |              |             |
| 16  | Vương Thị Trà     | My     |                     |                          |            |              |             |
| 17  | Nguyễn Thị Bích   | Ngọc   |                     |                          |            |              |             |
| 18  | Ngô Diễm          | Quỳnh  |                     |                          |            |              |             |
| 19  | Đỗ Xuân           | Son    |                     |                          |            |              |             |
| 20  | Vũ Thanh          | Thảo   |                     |                          |            |              |             |
| 21  | Bạc Cẩm Huyền     | Thương |                     |                          |            |              |             |
| 22  | Lê Ngân           | Thương |                     |                          |            |              |             |
| 23  | Nguyễn Ngọc Huyền | Trang  |                     |                          |            |              |             |
| 24  | Nguyễn Ngọc Ban   | Mai    |                     |                          |            |              |             |

**Giảng viên chấm thi 1**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Giảng viên chấm thi 2**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

PHIẾU TỔNG KẾT ĐIỂM HỌC PHẦN

Hình thức đào tạo: .....  
Học kỳ: ....., năm học: 20... - 20...

Môn học:..... Số TC:.....  
Lớp: Nghệ thuật Hóa trang K45 Hình thức thi:.....

| STT | Họ và tên sinh viên     | Điểm chuyên cần<br>(Hệ số 1) | Điểm TB kiểm tra<br>(Hệ số 3) | Điểm thi học phần<br>(Hệ số 6) | Điểm tổng kết học phần | Ghi chú |
|-----|-------------------------|------------------------------|-------------------------------|--------------------------------|------------------------|---------|
| (1) | (2)                     | (3)                          | (4)                           | (5)                            | (6)                    | (7)     |
| 1   | Nguyễn Lê Nguyệt An     |                              |                               |                                |                        |         |
| 2   | Nguyễn Lê Ngân Anh      |                              |                               |                                |                        |         |
| 3   | Phạm Trang Anh          |                              |                               |                                |                        |         |
| 4   | Nguyễn Ngọc Ánh         |                              |                               |                                |                        |         |
| 5   | Phạm Hoàng Minh Ánh     |                              |                               |                                |                        |         |
| 6   | Ngô Vân Chi             |                              |                               |                                |                        |         |
| 7   | Nguyễn Xuân Chinh Chinh |                              |                               |                                |                        |         |
| 8   | Nguyễn Minh Diệp        |                              |                               |                                |                        |         |
| 9   | Nguyễn Thái Linh Đan    |                              |                               |                                |                        |         |
| 10  | Ngô Ngọc Diệp           |                              |                               |                                |                        |         |
| 11  | Phạm Thị Thanh Huyền    |                              |                               |                                |                        |         |
| 12  | Phạm Hải Linh           |                              |                               |                                |                        |         |
| 13  | Phạm Khánh Linh         |                              |                               |                                |                        |         |
| 14  | Lưu Hoàng Mai           |                              |                               |                                |                        |         |
| 15  | Phan Huyền My           |                              |                               |                                |                        |         |
| 16  | Vương Thị Trà My        |                              |                               |                                |                        |         |
| 17  | Nguyễn Thị Bích Ngọc    |                              |                               |                                |                        |         |
| 18  | Ngô Diễm Quỳnh          |                              |                               |                                |                        |         |
| 19  | Đỗ Xuân Sơn             |                              |                               |                                |                        |         |
| 20  | Vũ Thanh Thảo           |                              |                               |                                |                        |         |
| 21  | Bạc Cẩm Huyền Thương    |                              |                               |                                |                        |         |
| 22  | Lê Ngân Thương          |                              |                               |                                |                        |         |
| 23  | Nguyễn Ngọc Huyền Trang |                              |                               |                                |                        |         |

|    |                     |  |  |  |  |  |
|----|---------------------|--|--|--|--|--|
| 24 | Nguyễn Ngọc Ban Mai |  |  |  |  |  |
|----|---------------------|--|--|--|--|--|

Nhận phiếu

Ngày.....tháng.....năm 20....

CÁN BỘ PHÒNG ĐT, QLKH và HTQT

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm 20....

KHOA/TRUNG TÂM

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm 20....

GIẢNG VIÊN BỘ MÔN

(Ký, ghi rõ họ tên)